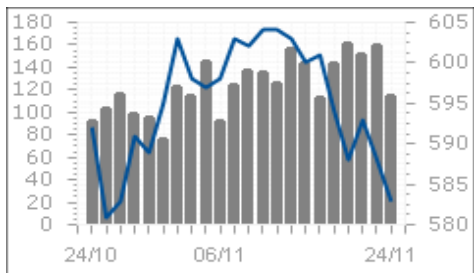


HOSE 24/11/2014

VNINDEX	582.53	-5.50	-0.94%
KLGD	115,957,190	CP	
GTGD	2,021.38	Tỷ	
GTR NDTNN	30.56	Tỷ	
CP Tăng giá	48	CP	
CP Giảm giá	176	CP	
CP Đứng giá	80	CP	

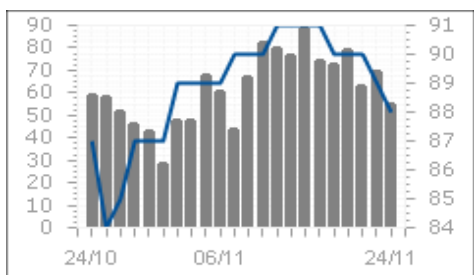


Tâm điểm

- ▶ **Thị trường tiếp tục hấp thụ thông tư số 36/2014/TT-NHNN**
- ▶ **Thị trường tiếp tục sụt giảm, lực bán ra mạnh**
 NĐT Nước ngoài mua ròng trở lại trên HOSE
- ▶ **CPI cả nước tháng 11 giảm 0,27%**
 Cục Thống kê công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Tháng 11/2014
 DVO/GSO
- ▶ **Giải ngân 11,2 tỷ USD vốn FDI trong 11 tháng**
 Tính đến ngày 20/11/ 2014 cả nước có 1.427 dự án mới được cấp GCNĐT
 NDH
- ▶ **ECB cam kết tăng cường kích thích để thúc đẩy lạm phát**
 Bối lo ngại Eurozone có thể rơi vào thập kỷ giảm phát
 DVO/Reuters
- ▶ **MWG: Qua 10 tháng, lãi vượt 25% kế hoạch năm**
 Lãi vượt kế hoạch nhưng MWG vẫn chưa có ý định trả cổ tức 2014-2015
 DVO/MWG
- ▶ **Gần 90% doanh nghiệp niêm yết báo lãi với tổng lãi 17,300 tỷ đồng**
 Những con số thống kê cho thấy triển vọng khá tươi sáng của các doanh nghiệp
 Vietstock

HNX 24/11/2014

HNXINDEX	88.02	-1.12	-1.26%
KLGD	56,081,918	CP	
GTGD	823.17	Tỷ	
GTR NDTNN	-	3.01	Tỷ
CP Tăng giá	85	CP	
CP Giảm giá	138	CP	
CP Đứng giá	156	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,057,813	14.4	3.0	18.8%	10.0%
HNX	147,753	14.2	1.9	9.1%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,205,566	14.8	3.0	18.8%	9.6%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,147	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,068	9.6	1.6	17.0%	10.5%
Khai khoáng	38,553	13.2	2.0	22.3%	10.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,616	90.6	6.1	-4.0%	-3.3%
Xây dựng	25,622	14.0	1.5	13.6%	7.4%
Máy công nghiệp	32,934	31.8	1.2	-0.5%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,587	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,319	8.9	1.5	18.4%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,831	11.4	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	22,972	11.1	2.0	21.7%	7.4%
Dược phẩm	190,225	24.2	4.6	18.8%	14.6%
Phần mềm	15,827	12.6	2.8	22.4%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	17,190	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,808	10.0	1.5	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	195,283	16.0	5.2	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	25,722	20.5	2.2	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,823	12.3	1.6	11.2%	7.8%
Bất động sản	237,438	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	170,936	16.8	2.8	18.8%	4.8%
	46,891	10.6	2.2	21.9%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	616.39	-7.35	-1.18%
HNX30	176.92	-3.36	-1.87%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Bà Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

CPI cả nước tháng 11 giảm 0,27%

Giải ngân 11,2 tỷ USD vốn FDI trong 11 tháng

ECB cam kết tăng cường kích thích để thúc đẩy lạm phát

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

MWG: Qua 10 tháng, lãi vượt 25% kế hoạch năm

Gần 90% doanh nghiệp niêm yết báo lãi với tổng lãi 17,300 tỷ đồng

Doanh nghiệp xuất khẩu cá tra 9 tháng đầu năm: Thích ứng dần với rủi ro

► Tin kinh tế

Theo số liệu từ báo cáo chỉ số tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá USD cả nước của Tổng cục Thống kê. So với cùng kỳ 2013, CPI tính tới tháng 11 tăng 4,3%. So với cuối năm 2013, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước sau 11 tháng mới chỉ tăng 2,08%, so với Tháng 10/2014 thì CPI Tháng 11/2014 giảm 0,27%. So với tháng 10/2014, trong 11 nhóm hàng hóa tính CPI thì giảm mạnh nhất là nhóm giao thông với mức giảm 2,75% do giá xăng dầu giảm liên tiếp 9 lần gần đây. Tăng mạnh nhất là nhóm may mặc, mũ nón, giày dép với mức tăng 0,34%; Tiếp đó là Hàng hóa khác tăng 0,22%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,12%...

Theo đó, tính chung cả cấp mới và tăng vốn trong 11 tháng năm 2014, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 17,33 tỷ USD, bằng 83,3% so với cùng kỳ 2013. Ước tính các dự án FDI đã giải ngân được 11,2 tỷ USD, tăng 6,2 % so với cùng kỳ năm 2013. Theo các báo cáo nhận được, tính đến ngày 20/11/ 2014 cả nước có 1.427 dự án mới được cấp GCNĐT với tổng vốn đăng ký 13,41 tỷ USD, bằng 97,3% so với cùng kỳ năm 2013. Đến 20/11/2014, có 515 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 3,92 tỷ USD, bằng 55,7% so với cùng kỳ năm 2013. Thái Nguyên dẫn đầu về thu hút FDI với dự án tổ hợp Công nghệ cao Samsung Thái Nguyên có tổng vốn đầu tư đăng ký 3 tỷ USD.

Trước những lo ngại cho rằng, khu vực đồng euro (Eurozone) có thể rơi vào thập kỷ giảm phát và giảm phát giống Nhật Bản, chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB)- Ông Draghi khẳng định, nếu các biện pháp kích thích hiện tại không giúp cải thiện tình hình lạm phát và kinh tế của Eurozone trong những tháng tới thì ECB sẽ bơm thêm tiền vào hệ thống tài chính thông qua việc mở rộng quy mô, tốc độ và thành phần của chương trình mua tài sản. Ông Draghi cho biết, ngân hàng đang xem xét khả năng triển khai chương trình mua trái phiếu chính phủ quy mô lớn - chính sách nới lỏng định lượng mà Mỹ, Nhật Bản và Anh từng áp dụng.

► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (HOSE: MWG) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 10/2014 với doanh thu đạt 1,523 tỷ đồng, nâng tổng doanh thu của 10 tháng đầu năm lên 12.443 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu online của MWG trong tháng 10 đạt 105 tỷ đồng, nâng tổng doanh thu online 10 tháng đạt 713 tỷ đồng, chiếm 6% tổng doanh thu. Lãi ròng trong tháng 10/2014 đạt 55 tỷ đồng, theo đó, lũy kế lợi nhuận qua 10 tháng đầu năm đạt 543 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc 10 tháng đầu năm, công ty hoàn thành 95% kế hoạch doanh thu và vượt 25% kế hoạch lợi nhuận năm 2014. Ban lãnh đạo MWG cho biết vẫn chưa có kế hoạch trả cổ tức bằng tiền mặt, số lợi nhuận có được chủ yếu vẫn dành để phát triển và mở rộng hệ thống.

Theo thống kê Vietstock, tính đến ngày 24/11 – đã quá hạn công bố BCTC quý 3/2014 cho tất cả các loại quy mô doanh nghiệp niêm yết, toàn thị trường có trên 600 doanh nghiệp đã ra BCTC quý 3, ứng với tỷ lệ 97%. Trong đó, số lượng doanh nghiệp báo lãi áp đảo hoàn toàn với khoảng 543 doanh nghiệp (chiếm 88%), tổng lợi nhuận tạo ra là 17,281 tỷ đồng, phình to đáng kể so với mức lãi 15,244 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Ngược lại, với khoảng 70 doanh nghiệp báo lỗ thì mức lỗ cũng đã giảm kỷ còn 890 tỷ đồng, giảm 20% so với quý 3/2013. Những con số thống kê trong quý 3 đã cho thấy một triển vọng khá tươi sáng của nền kinh tế với nhiều đột biến ở các doanh nghiệp. Qua đó, nhờ đạt được lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ trong quý 3 mà không hiếm doanh nghiệp vượt gấp mấy lần kế hoạch năm chỉ sau 9 tháng đầu năm.

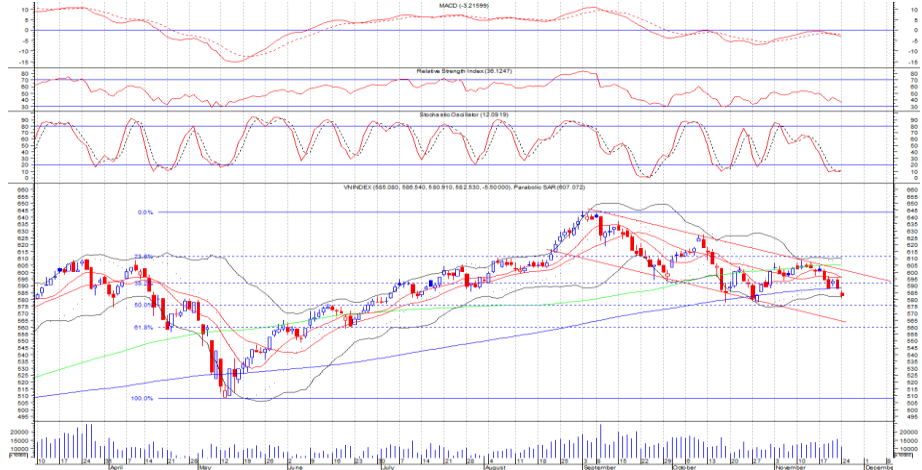
Theo số liệu Hải Quan Việt Nam, 9 tháng đầu năm xuất khẩu cá tra Việt Nam sang các thị trường đạt gần 1,28 tỷ USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cá tra sang 2 thị trường truyền thống, lớn nhất của ngành đều giảm khá mạnh. Cụ thể giá trị xuất khẩu 9 tháng đầu năm sang thị trường EU đạt hơn 261 triệu USD, giảm 8,4%; thị trường Hoa Kỳ đạt 240,8 triệu USD, giảm 16,7%. Trong khi đó, xuất khẩu cá tra sang các thị trường mới lại tăng trưởng khá mạnh như: Asean đạt 102,7 triệu USD, tăng 12,4%; Brazil đạt gần 94 triệu USD, tăng 18,2%; Trung Quốc và Hồng Kong đạt 77,1 triệu USD, tăng 17,9%;...Số liệu này cho thấy việc chuyển dịch thị trường tiêu thụ cá tra của Việt Nam sang thị trường EU (Liên Hợp Quốc) cũng như các thị trường mới khác.

HOSE 24/11/2014 VNINDEX 582.53 -5.50 -0.94% 115,957,190 CP 2,021.38 bil VND

Thị trường tiếp tục hấp thụ thông tư số 36/2014/TT-NHNN

VN-Index giảm 5.50 điểm (-0.94%), đóng cửa tại mức 582.53 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến vừa phải, tuy nhiên VN-Index mất điểm khá mạnh từ đầu phiên và duy trì ở đó khá lâu.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm tương đối mạnh.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại ở phiên hôm nay.
- RSI (14) rơi mạnh về vùng 36.
- VN-Index phá vỡ ngưỡng hỗ trợ rất mạnh là MA200. Chỉ số này chạm Bollinger Band dưới và đang hướng tới vùng hỗ trợ FB 61,8% tương đương với 570 - 575 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.5 (-3.9%)	19,001,310
HAR	-0.6 (-5.0%)	6,603,210
OGC	-0.3 (-3.3%)	6,474,590
VHG	-1.1 (-6.8%)	6,414,900
ITA	0 (0.0%)	5,783,320

HOSE Top 5 theo % tăng

LGC	1.6 (6.9%)	105,740
KAC	0.9 (6.8%)	62,000
SBC	1.5 (6.6%)	109,620
LHG	0.6 (6.1%)	31,500
ABT	3.5 (5.9%)	6,140

HOSE Top 5 theo % giảm

HLG	-0.3 (-7.0%)	1,500
SPM	-2.1 (-7.0%)	10,970
SRC	-2.8 (-6.9%)	186,150
QBS	-1.8 (-6.8%)	389,140
HAI	-3 (-6.8%)	486,490

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VIC	16,8 tỷ	351,210
ITA	7,6 tỷ	869,590
HAG	4,6 tỷ	192,870
HPG	3,6 tỷ	65,350
VHC	3,0 tỷ	82,540

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-15,4 tỷ	179,070
KDC	-7,9 tỷ	153,160
DPM	-3,5 tỷ	121,490
DLG	-3,5 tỷ	296,980
OGC	-3,2 tỷ	357,960

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,657,400	30.56

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục phản ứng với thông tin từ thông tư Số 36/2014/TT - NHNN sau 2 ngày nghỉ cuối tuần và lập tức VN-Index sụt giảm mạnh từ đầu phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 111 triệu. Lực bán mạnh xảy ra, tuy nhiên không quá ào ạt, một vài mã đầu cơ trạng thái bán tháo đã xảy ra..
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 30 tỷ. Việc khối ngoại mua ròng trở lại sẽ hỗ trợ rất lớn cho thị trường trong giai đoạn hiện nay.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng sẽ được hỗ trợ tốt ở vùng 570 - 575 điểm khi lực cầu quay trở lại, việc TT phản ứng với TT 36 phần nào đã được phản ánh vào giá GD vừa rồi.
- ▶ NĐT nên dừng các quyết định mua mới, chờ thị trường cân bằng trở lại trước khi xem xét giải ngân tiếp. Rủi ro VN-Index mất điểm vẫn còn khá lớn.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	99.0	187,605.00	16.4	5.3	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	100.0	100,011.86	17.4	5.6	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.4	73,021.56	15.9	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.0	69,818.64	17.9	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	79.5	58,496.75	- 474.3	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.1	52,500.00	9.8	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.9	36,264.51	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	8.5	2.3	30.2%	14.7%
PVD	303.0	85.5	25,909.65	11.0	2.4	22.6%	10.8%
BVH	680.5	37.6	25,585.73	20.5	2.2	10.4%	2.2%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.3	757.05	12.8	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.8	843.66	24.0	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	18.8	2,171.91	6.8	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.0	3,001.58	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	22.0	607.42	1.9	1.0	NA	TH.DOI

HNX 24/11/2014 HNX-Index 88.02 -1.12 -1.26% 56,081,918 CP 823.17 bil. VND

Thị trường tiếp tục hấp thụ thông tư số 36/2014/TT-NHNN

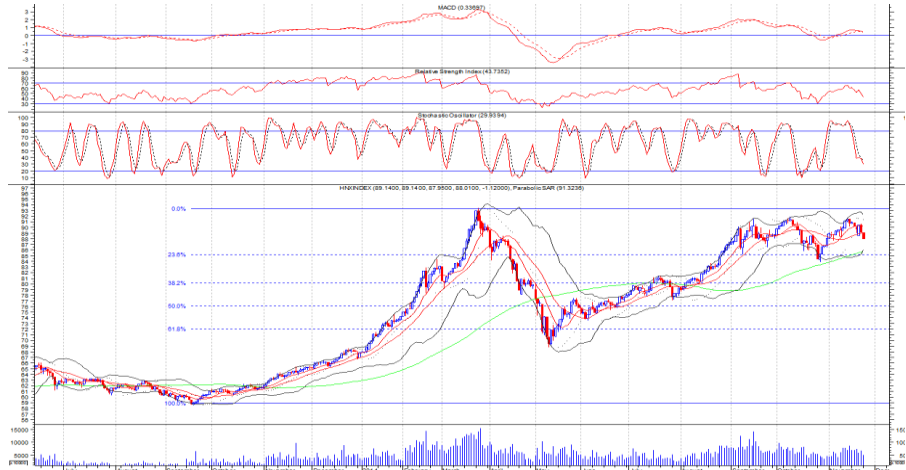
Chỉ số HNX-Index giảm 1.12 điểm (-1.26%), đóng cửa tại mốc 88.02 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài, HNX-Index tiếp tục mất điểm khá mạnh và phá vỡ MA20.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm và sắp đi sâu vào vùng quá bán.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm và sắp cho tín hiệu cắt đường zero base. Nếu điều này xảy ra thì rủi ro giảm điểm HNX-Index vẫn rất lớn.

- RSI (14) lùi về mốc 43.

- HNX-Index hướng tới vùng hỗ trợ mạnh hơn là MA100 tương đương với 85 - 86 điểm



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-1 (-6.7%)	11,457,170
PVX	-0.1 (-1.6%)	3,952,510
SCR	0 (0.0%)	2,684,650
HUT	0.3 (2.2%)	2,103,500
SHS	-0.3 (-2.5%)	1,964,110

HNX Top 5 theo % tăng

DST	0.5 (10.0%)	5,100
TDN	0.9 (10.0%)	100
ITQ	2.3 (10.0%)	527,670
VNF	4.3 (9.8%)	3,150
KTS	1.1 (9.6%)	200

HNX Top 5 theo % giảm

PIV	-0.9 (-10.0%)	1,400
SKS	-1 (-10.0%)	900
AMC	-2.2 (-10.0%)	100
SLS	-3.1 (-9.9%)	4,500
V21	-0.6 (-9.7%)	2,500

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	2,4 tỷ	271,900
BVS	0,7 tỷ	50,100
PLC	0,5 tỷ	14,600
PVL	0,4 tỷ	108,000
PGS	0,3 tỷ	10,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-4,3 tỷ	112,500
VND	-1,2 tỷ	87,200
IVS	-1,1 tỷ	107,900
LTC	-0,8 tỷ	91,100
HMH	-0,7 tỷ	23,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	64,500	- 3.01

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục phản ứng với thông tin từ thông tư Số 36/2014/TT - NHNN sau 2 ngày nghỉ cuối tuần và lập tức HNX-Index sụt giảm mạnh từ đầu phiên.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 51 triệu. Lực bán mạnh xảy ra, tuy nhiên không quá ào ạt, một vài mã đầu cơ trạng thái bán tháo đã xảy ra..
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ với giá trị 3 tỷ. Đà bán ròng của khối này vẫn còn, do vậy rủi ro đối với chỉ số HNX-Index vẫn hiện hữu.
- ▶ HNX-Index nhiều khả năng sẽ được hỗ trợ tốt ở vùng 85-86 điểm khi lực cầu quay trở lại, việc TT phản ứng với TT 36 phần nào đã được phản ánh vào giá GD vừa rồi.
- ▶ NĐT nên dừng các quyết định mua mới, chờ thị trường cân bằng trở lại trước khi xem xét giải ngân tiếp. Rủi ro HNX-Index mất điểm vẫn còn khá lớn.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	37.7	16,840.61	10.4	2.0	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	25.9	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.7	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.7	5,609.73	8.8	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.8	4,007.82	13.0	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.5	2,845.13	7.2	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	20.7	2,713.27	8.5	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	31.5	2,451.71	6.8	1.9	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	34.7	1,318.60	8.3	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.5	653.40	6.1	1.2	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.1	2,030.48	11.0	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.5	2,845.13	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.3	1,665.00	8.5	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	7.9	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,496.75	15.22%	79.5	- 474.32	4.21	122,023	148,383	195,919
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	12.53%	48.0	17.93	3.79	1,227,616	1,155,624	2,025,127
PVD	HOSE	303.0	25,909.65	11.71%	85.5	11.00	2.38	418,599	361,087	560,136
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	11.57%	55.0	8.46	2.33	415,646	410,448	687,179
HAG	HOSE	789.9	18,957.58	7.45%	24.0	10.20	1.32	2,929,750	3,277,102	3,790,673
KDC	HOSE	255.2	13,013.22	7.00%	51.0	21.39	1.96	1,726,736	1,308,559	950,122
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	5.69%	18.7	8.86	1.23	262,810	294,841	417,505
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	5.16%	27.4	15.94	1.69	203,297	251,188	416,136
DPM	HOSE	379.9	11,056.09	4.04%	29.1	9.30	1.21	339,314	373,731	837,278
KBC	HOSE	389.8	6,392.07	2.83%	16.4	15.44	1.25	5,206,268	5,399,826	5,055,509
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.64%	8.8	51.81	0.80	6,852,321	5,558,311	7,375,258
HSG	HOSE	96.3	4,651.92	1.95%	48.3	11.41	1.97	150,272	188,218	336,299
BVH	HOSE	680.5	25,585.73	1.83%	37.6	20.46	2.15	194,779	211,247	255,159
HVG	HOSE	132.0	3,999.59	1.55%	30.3	14.03	1.70	1,423,971	1,531,639	1,935,559
FLC	HOSE	314.9	3,873.19	1.53%	12.3	7.51	1.06	25,447,027	17,747,312	16,504,241
PPC	HOSE	318.2	7,890.23	1.47%	24.8	10.92	1.48	159,512	253,153	554,355
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.41%	60.0	14.42	3.48	57,099	57,822	148,859
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.37%	17.9	15.51	1.50	2,288,921	2,020,175	2,293,836
CSM	HOSE	67.3	2,967.58	1.32%	44.1	8.60	2.36	85,576	89,404	220,504
VSH	HOSE	206.2	2,969.87	1.16%	14.4	20.28	1.10	349,571	482,416	630,205
OGC	HOSE	300.0	2,640.00	0.56%	8.8	33.59	0.86	6,163,193	6,306,464	5,318,846

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,496.75	8.46%	79.5	- 474.32	4.21	122,023	148,383	195,919
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	7.72%	48.0	17.93	3.79	1,227,616	1,155,624	2,025,127
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	7.14%	27.4	15.94	1.69	203,297	251,188	416,136
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	6.63%	18.7	8.86	1.23	262,810	294,841	417,505
PVS	HNX	446.7	16,840.61	5.62%	37.7	10.42	1.99	1,391,111	1,672,575	3,344,915
BVH	HOSE	680.5	25,585.73	4.52%	37.6	20.46	2.15	194,779	211,247	255,159
DPM	HOSE	379.9	11,056.09	4.24%	29.1	9.30	1.21	339,314	373,731	837,278
HAG	HOSE	789.9	18,957.58	4.00%	24.0	10.20	1.32	2,929,750	3,277,102	3,790,673
PVD	HOSE	303.0	25,909.65	3.86%	85.5	11.00	2.38	418,599	361,087	560,136
PPC	HOSE	318.2	7,890.23	3.10%	24.8	10.92	1.48	159,512	253,153	554,355
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.19%	8.8	51.81	0.80	6,852,321	5,558,311	7,375,258
FLC	HOSE	314.9	3,873.19	2.90%	12.3	7.51	1.06	25,447,027	17,747,312	16,504,241
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.59%	8.7	9.74	0.76	2,538,834	2,613,680	4,719,395
VCG	HNX	441.7	5,609.73	2.08%	12.7	8.76	1.03	1,438,697	1,326,932	1,548,636
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.76%	17.9	15.51	1.50	2,288,921	2,020,175	2,293,836
OGC	HOSE	300.0	2,640.00	1.50%	8.8	33.59	0.86	6,163,193	6,306,464	5,318,846
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.02%	60.0	14.42	3.48	57,099	57,822	148,859
IJC	HOSE	274.2	3,591.95	0.64%	13.1	21.36	1.25	494,364	610,274	1,268,836
PVX	HNX	400.0	2,440.00	0.00%	6.1	- 2.71	2.69	6,137,353	5,656,465	8,627,509

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	0.00%	48.0	17.93	3.79	1,227,616	1,155,624	2,025,127
MSN	HOSE	735.8	58,496.75	0.00%	79.5	- 474.32	4.21	122,023	148,383	195,919
DPM	HOSE	379.9	11,056.09	0.00%	29.1	9.30	1.21	339,314	373,731	837,278
HAG	HOSE	789.9	18,957.58	0.00%	24.0	10.20	1.32	2,929,750	3,277,102	3,790,673
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	0.00%	27.4	15.94	1.69	203,297	251,188	416,136
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	0.00%	18.7	8.86	1.23	262,810	294,841	417,505
BVH	HOSE	680.5	25,585.73	0.00%	37.6	20.46	2.15	194,779	211,247	255,159
CTG	HOSE	3,723.4	52,500.00	0.00%	14.1	9.80	0.98	127,056	266,578	360,188
GAS	HOSE	1,895.0	187,605.00	0.00%	99.0	16.35	5.33	333,959	279,257	385,350

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,496.75	4.01%	79.5	- 474.32	4.21	122,023	148,383	195,919
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	2.27%	48.0	17.93	3.79	1,227,616	1,155,624	2,025,127
PVD	HOSE	303.0	25,909.65	4.39%	85.5	11.00	2.38	418,599	361,087	560,136
STB	HOSE	1,142.5	21,364.97	0.89%	18.7	8.86	1.23	262,810	294,841	417,505
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	1.28%	27.4	15.94	1.69	203,297	251,188	416,136
BVH	HOSE	680.5	25,585.73	1.79%	37.6	20.46	2.15	194,779	211,247	255,159

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,147	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,068	9.6	1.6	17.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,945	15.6	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	904	6.6	1.0	14.0%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,553	13.2	2.0	22.3%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,933	3.5	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,616	90.6	6.1	-4.0%	-3.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,622	14.0	1.5	13.6%	7.4%
Xây dựng	32,934	31.8	1.2	-0.5%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,265	9.8	1.2	15.5%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,293	8.5	1.4	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,501	8.2	1.0	11.9%	5.6%
Thiết bị điện	2,047	36.3	1.0	1.9%	0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	53	17.4	0.7	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,587	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,676	3.5	1.1	5.5%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,319	8.9	1.5	18.4%	13.5%
Dịch vụ vận tải	6,947	7.5	1.6	22.6%	13.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,088	12.6	2.0	16.3%	11.0%
Đào tạo & Việc làm	280	14.5	0.8	6.4%	2.3%
Nhà cung cấp thiết bị	194	8.9	0.9	12.1%	4.9%
Chất thải & Môi trường	200	3.0	0.9	33.4%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,285	13.6	1.3	14.5%	7.2%
Lốp xe	8,831	11.4	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,628	7.2	1.3	17.7%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	331	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,972	11.1	2.0	21.7%	7.4%
Thực phẩm	190,225	24.2	4.6	18.8%	14.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	20.0	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,024	8.3	1.5	19.7%	9.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	566	35.8	1.4	4.4%	3.0%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,741	8.8	1.7	19.7%	7.7%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,172	10.4	2.1	19.0%	9.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	714	10.3	1.1	-0.3%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,969	9.1	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	168	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	222	9.4	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,827	12.6	2.8	22.4%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	283	-	45.0	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	766	10.7	1.3	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,132	10.8	1.8	18.3%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,121	9.2	1.0	10.8%	7.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,632	55.2	2.4	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,112	20.3	1.5	11.1%	9.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,716	18.3	3.5	23.4%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	785	11.7	1.0	8.9%	3.3%
Internet	385	81.2	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,190	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	474	14.4	0.8	5.0%	1.9%
Thiết bị văn phòng	293	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	12,964	34.5	6.7	33.6%	11.3%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,808	10.0	1.5	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	195,283	16.0	5.2	32.4%	22.0%
Nước	1,215	6.5	1.1	17.0%	11.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,452	8.7	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,858	11.7	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,700	8.4	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,722	20.5	2.2	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,969	35.8	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,823	12.3	1.6	11.2%	7.8%
Ngân hàng					
Ngân hàng	237,438	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	170,936	16.8	2.8	18.8%	4.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	11	2.8	0.8	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	46,891	10.6	2.2	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.